

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **02/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 04/01/2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba

Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 291/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 311/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Thu T, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú: 96/26, tổ 9 ấp Hiền H, xã Phước T, huyện Long T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: 07/4, tổ 4, ấp 3, Bung R, huyện Xuyên M, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu.

- Bị đơn: Anh Lê Đức B, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: 96/26, tổ 9 ấp Hiền H, xã Phước T, huyện Long T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Hồ Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Lê Đức B kết hôn với nhau năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thái, huyện Long Thành, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 24/02/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên hay cãi vã, anh B thường xuyên tụ tập nhậu nhẹt, không quan tâm lo lắng cho vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh chị đã ly thân khoảng 03 năm nay. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Lê Quốc B, sinh ngày 04/10/2004 và Lê Bảo Hạ M, sinh ngày 27/6/2016. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Đức B vắng mặt nên không có ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định pháp luật. Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Hồ Thị Thu T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Đức B, nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do, nguyên đơn chị Hồ Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Thu T và anh Lê Đức B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 24/02/2004, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T trình bày, sau khi kết hôn, trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên hay cãi vã, anh B thường xuyên tụ tập nhậu nhẹt, không quan tâm lo lắng cho vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh chị đã ly thân khoảng 03 năm nay, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thái thể hiện trong quá trình chung sống giữa chị T và anh B có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được, tuy nhiên hiện nay chị T và anh B không còn sống chung nhà. Xét lời khai của nguyên đơn cũng như các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hồ Thị Thu T và anh Lê Đức B là có thật. Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để tạo điều kiện cho chị T và anh B hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn còn anh B vắng mặt không lý do, cho thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh B có thái độ bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm và mối quan hệ hôn nhân với chị T. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh B có 02 con chung là Lê Quốc B, sinh ngày 04/10/2004 và Lê Bảo Hạ M, sinh ngày 27/6/2016. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập làm việc đối với anh B để anh B có ý kiến về nội dung khởi kiện của chị T, trong đó có vấn đề về con chung, tuy nhiên anh B không đến tòa làm việc và không có ý kiến, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và các chứng cứ do chị T cung cấp cũng như các chứng cứ do Tòa án thu thập để xem xét, giải quyết.

Xét thấy, hiện cháu Lê Bảo Hạ M còn nhỏ nên giao cho mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu, đồng thời theo lời khai của cháu Lê Quốc B cũng thể hiện nguyện vọng cháu muốn được ở

cùng với mẹ. Do đó, giao 02 con chung cho chị Hồ Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng, chị T yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng), theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thái thể hiện anh B có nghề nghiệp là thợ hồ, xét thu nhập B của công việc phổ thông mà anh B đang làm và chi phí nuôi dưỡng 02 con chung, nhận thấy yêu cầu cấp dưỡng của chị Bình như trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị T trình bày tài sản chung chị và anh B tự thỏa thuận, về nợ chung không có, anh B vắng mặt và không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

[5] Về án phí: Chị Hồ Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Lê Đức B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[6] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Hồ Thị Thu T.

Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Thị Thu T được ly hôn với anh Lê Đức B.

Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Quốc B, sinh ngày 04/10/2004 và Lê Bảo Hạ M, sinh ngày 27/6/2016 cho chị Hồ Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Lê Đức B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng đối với 02 con chung là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng (mỗi con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 04/01/2022 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Lê Đức B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu

cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B chưa thanh toán số tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hồ Thị Thu T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp tại biên lai số 0005132 ngày 09/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Đức B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hồ Thị Thu T và anh Lê Đức B được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Thành (2)
- THA DS (1)
- Lưu (6)
- Đương sự (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Ngọc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ba

Lê Thị Ánh Sáng

Nguyễn Hữu Ngọc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Ánh Sáng

Nguyễn Văn Ba

Nguyễn Hữu Ngọc